

Số: **991** /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày **12** tháng **6** năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình:  
Kết nối các trục đường khu đô thị số 4, thị xã Gia Nghĩa.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định 32/2015/NĐ-CP, ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định 59/2015/NĐ-CP, ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD, ngày 30/6/2016 của Bộ xây dựng về quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND, ngày 03/11/2015 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Công văn số 81/HĐND-VP, ngày 28/3/2017 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Kết nối các trục đường khu đô thị số 4, thị xã Gia Nghĩa;

Xét Kết quả thẩm định số 42/KQTĐ-SXD ngày 19/4/2017 của Sở xây dựng tỉnh Đắk Nông; Tờ trình số 467/TTr-DA ngày 20/4/2017 của Sở xây dựng tỉnh Đắk Nông, về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Kết nối các trục đường khu đô thị số 4, thị xã Gia Nghĩa; đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 52/TTr-SKH, ngày 16 tháng 5 năm 2017;

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Kết nối các trục đường khu đô thị số 4, thị xã Gia Nghĩa với các nội dung chủ yếu sau:

**1. Tên dự án đầu tư xây dựng công trình:** Kết nối các trục đường khu đô thị số 4, thị xã Gia Nghĩa.

**2. Chủ đầu tư:** Sở Xây dựng tỉnh Đắk Nông.

**3. Mục tiêu đầu tư xây dựng:**

- Góp phần phát triển và hoàn thiện các trục đường khu đô thị số 4 theo quy hoạch đô thị đã được phê duyệt, kết nối các khu dân cư trong phường Nghĩa Tân nói riêng và đô thị Gia Nghĩa nói chung.

- Tạo quỹ đất, hình thành điểm dân cư theo hướng văn minh, hiện đại, có chất lượng cuộc sống tốt, góp phần phát triển bền vững của đô thị Gia Nghĩa.

#### 4. Nội dung và quy mô đầu tư:

4.1. Nội dung đầu tư: Đầu tư xây dựng mới.

4.2. Quy mô đầu tư các hạng mục công trình chính:

4.2.1. San nền: Độ dốc khu vực này <10% nên chủ yếu giữ nguyên địa hình tự nhiên trong các lô đất; Đối với khu vực địa hình có độ dốc 15-20%, phương án san nền đối với khu vực này được thực hiện theo các bước sau:

- Thực hiện làm các trục đường giao thông, độ dốc đường tối đa là 10%.

- San lấp cục bộ, cao độ san lấp bằng cao độ mép trong vỉa hè.

Đối với khu vực thương mại dịch vụ dọc QL14: Đã có một số vị trí san lấp bằng cốt quốc lộ 14, còn lại độ dốc từ 15-20%, khu vực này chỉ san lấp giạt cấp tại các vị trí công trình xây dựng, các khu vực khác giữ theo địa hình tự nhiên ban đầu.

4.2.2. Hệ thống giao thông:

- Cấp hạng: Đường nội bộ.

- Vận tốc thiết kế: 30km/h.

- Tải trọng công trình thoát nước: HL93.

- Tải trọng trục thiết kế mặt đường: P=100KN.

\* Các thông số kỹ thuật chủ yếu:

#### BẢNG TỔNG HỢP KÍCH THƯỚC CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THIẾT KẾ

| STT | Tên đường | Chiều dài tim tuyến (m) | Chiều rộng nền đường (m) | Chiều rộng (m) |                   |               | Diện tích (m <sup>2</sup> ) |          |
|-----|-----------|-------------------------|--------------------------|----------------|-------------------|---------------|-----------------------------|----------|
|     |           |                         |                          | Lề đường trái  | Mặt đường xe chạy | Lề đường phải | Mặt đường                   | Lề đường |
| 1   | Đường D1  | 176,17                  | 12,00                    | 3,00           | 6,00              | 3,00          | 1.057,02                    | 1.057,02 |
| 2   | Đường D2  | 85,91                   | 12,00                    | 3,00           | 6,00              | 3,00          | 515,46                      | 515,46   |
| 3   | Đường D3  | 828,50                  | 12,00                    | 3,00           | 6,00              | 3,00          | 4.971,00                    | 4.971,00 |
| 4   | Đường D4  | 630,00                  | 12,00                    | 3,00           | 6,00              | 3,00          | 3.780,00                    | 3.780,00 |
| 5   | Đường D5  | 947,40                  | 12,00                    | 3,00           | 6,00              | 3,00          | 5.684,40                    | 5.684,40 |
| 6   | Đường D6  | 694,33                  | 12,00                    | 3,00           | 6,00              | 3,00          | 4.165,98                    | 4.165,98 |
| 7   | Đường D7  | 773,43                  | 12,00                    | 3,00           | 6,00              | 3,00          | 4.640,58                    | 4.640,58 |
| 8   | Đường D9  | 897,27                  | 12,00                    | 3,00           | 6,00              | 3,00          | 5.383,62                    | 5.383,62 |



|                    |          |        |       |      |      |      |                  |                  |
|--------------------|----------|--------|-------|------|------|------|------------------|------------------|
| 9                  | Đường N2 | 201,26 | 12,00 | 3,00 | 6,00 | 3,00 | 1.207,56         | 1.207,56         |
| <b>Tổng cộng :</b> |          |        |       |      |      |      | <b>31.405,62</b> | <b>31.405,62</b> |

- Trắc dọc tuyến đường: Đảm bảo độ dốc dọc thiết kế của các tuyến đường nhỏ hơn hoặc bằng độ dốc dọc tối đa cho phép là  $i_{max}=10\%$ ; Cao độ khống chế thiết kế đường đô là cao độ thiết kế tại giao tim đường của các giao lộ hoặc các chỗ thay đổi độ dốc dọc thiết kế.

- Trắc ngang tuyến đường: Mặt đường được thiết kế 2 mái. Độ dốc ngang mặt đường  $i_n = 3\%$ ; Lề đường được thiết kế dốc từ mặt đường ra ngoài với độ dốc ngang:  $i_{lê} = 3\%$ ; Ta luy nền đắp: 1/1,5; Ta luy nền đào: 1/1; Chiều dày đào, nạo vét hữu cơ trung bình là 0,2m.

- Mặt đường cấp cao A2, có mô đun đàn hồi yêu cầu  $E_{yc} = 95\text{Mpa}$ .

4.2.3. Hệ thống thoát nước: Cấu tạo bằng bê tông đổ tại chỗ, hình chữ U có nắp đậy; hệ thống cửa xả bằng bê tông đổ tại chỗ  $B=2500\text{mm}$ , có nắp đậy.

4.2.4. Hệ thống cấp nước: Xây dựng hệ thống đường ống D100 theo các trục giao thông dẫn nước về khu quy hoạch. Các tuyến này được nối với nhau tạo thành mạng vòng cấp nước, nhằm đảm bảo sự an toàn và liên tục cho các khu vực cần cấp nước.

- Hệ thống cấp nước được xây dựng trên lề đường cách mặt đất 1,0m – 1,2m và cách móng công trình 1,5m.

4.2.5. Hệ thống thoát nước thải: để giảm chi phí đầu tư xây dựng ban đầu thì cho nước thải sinh hoạt đi chung với hệ thống thoát nước mưa (sau khi đã xử lý sơ bộ bằng hố tự hoại 3 ngăn trong từng nhà dân). Giai đoạn sau, khi mật độ xây dựng lớn thì tiến hành xây dựng hệ thống đường ống thoát nước thải riêng, dẫn nước thải về trạm xử lý và nước thải sau khi xử lý mới được đổ vào hệ thống thoát nước mưa chảy ra sông suối.

4.2.6. Hệ thống phòng cháy chữa cháy: Dựa vào hệ thống cấp nước chính của khu quy hoạch bố trí họng lấy nước chữa cháy D100 đặt cách nhau 150m. Ngoài ra khi có sự cố cháy cần bổ sung thêm nguồn nước mặt của các sông và hồ gần nhất để chữa cháy.

4.2.7. Hệ thống cấp điện: Nguồn cấp điện được lấy trên các tuyến trung thế 22kV từ trạm 110/22kV Đắc Nông đến.

- Các tuyến trung thế hiện hữu được giữ lại, cải tạo nâng cấp với chiều dài 2,3km. Xây dựng các tuyến trung thế 22kV với tổng chiều dài 0,4km.

- Lưới điện trung, hạ thế được thiết kế đi nổi trên không với mục đích giảm kinh phí đầu tư ban đầu.

- Cấp điện đi trên trụ bê tông cốt thép ly tâm, đảm bảo khoảng cách an toàn về điện được quy định trong các Nghị định số 106/2005/NĐ-CP, ngày 17/8/2005 và Nghị định số 81/2009/NĐ-CP, ngày 12/10/2009 của Chính phủ.

- Các Trạm hạ áp 22/0,4kV sử dụng loại trạm giàn, trạm trong nhà hoặc trạm compact. Các trạm đặt tại trung tâm phụ tải điện các khu vực, với bán kính

phục vụ của lưới điện hạ thế không quá 500 m, vỏ trạm đảm bảo mỹ quan đô thị. Tổng dung lượng trạm hạ thế trong khu quy hoạch là 3,870kVA. Vị trí và công suất các trạm hạ thế có thể thay đổi theo yêu cầu phụ tải điện thực tế.

4.2.8. Hệ thống điện chiếu sáng: Giai đoạn 1 chưa đầu tư.

4.2.9. Hệ thống thông tin liên lạc: Do ngành bưu chính viễn thông thiết kế, đầu tư và quản lý.

**5. Tổ chức lập dự án:** Viện Quy hoạch xây dựng Miền Nam – Bộ Xây dựng.

**6. Chủ nhiệm lập dự án:** KS. Trần Ngọc Bình.

**7. Địa điểm xây dựng:** Phường Nghĩa Tân, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

**8. Diện tích sử dụng đất:** 55 ha.

**9. Loại, cấp công trình:**

- Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Cấp công trình: Cấp III.

**10. Số bước thiết kế:** Thiết kế 02 bước.

**11. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở):** Theo phương án thiết kế cơ sở đã được Sở xây dựng thẩm định.

**12. Phương án giải phóng mặt bằng:** Công trình phải đền bù, giải phóng mặt bằng theo Phương án được duyệt của cấp có thẩm quyền.

**13. Tổng mức đầu tư:** 173.500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm bảy mươi ba tỷ, năm trăm triệu đồng*).

Trong đó:

- |                                  |                        |
|----------------------------------|------------------------|
| - Chi phí xây dựng               | : 61.488.000.000 đồng. |
| - Chi phí thiết bị               | : 7.740.000.000 đồng.  |
| - Chi phí quản lý dự án          | : 1.345.244.000 đồng.  |
| - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng | : 6.753.766.000 đồng.  |
| - Chi phí khác                   | : 4.477.646.000 đồng.  |
| - Chi phí GPMB                   | : 72.144.000.000 đồng. |
| - Dự phòng phí                   | : 19.551.344.000 đồng. |

**14. Nguồn vốn đầu tư:**

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ từ chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng: 90 tỷ đồng.
- Ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác: 83,5 tỷ đồng.

**15. Hình thức quản lý dự án:** Hợp đồng ủy thác quản lý dự án.



**16. Thời gian thực hiện:** Không vượt quá 05 năm, kể từ khi dự án được cấp có thẩm quyền bố trí kế hoạch vốn.

**17. Các nội dung khác:**

- Để phát huy hiệu quả, đảm bảo chất lượng công trình khi triển khai xây dựng, yêu cầu Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan nghiêm chỉnh chấp hành Chỉ thị số 03/CT-UBND, ngày 27/02/2012 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc chấn chỉnh và tăng cường công tác quản lý đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh;

- Hoàn thiện một số nội dung tại khoản 1, Mục II tại Thông báo kết quả thẩm định số 42/KQTD-SXD, ngày 19/4/2017 của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Nông;

- Sở Xây dựng (Chủ đầu tư) chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan lập phương án giá đất ở cho dự án, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt ngay sau khi triển khai dự án để tạo nguồn thu cho ngân sách. Đồng thời có trách nhiệm làm việc với Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Phát triển đô thị tỉnh Đắk Nông, Công ty Điện lực Đắk Nông để đầu tư hệ thống cấp nước, cấp điện hoặc kêu gọi đầu tư các hạng mục: cấp nước, cấp điện, thiết bị điện của dự án theo hình thức đối tác công tư;

- Chi phí dự phòng của dự án là 19.551.344.000 đồng; việc sử dụng chi phí dự phòng bảo đảm tuân thủ đúng quy định hiện hành.

**Điều 2.** Sở Xây dựng tỉnh Đắk Nông căn cứ các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định và quy định của pháp luật hiện hành triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; Chủ tịch UBND thị xã Gia Nghĩa; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTKH, CNXD (MNC).

3

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



---

**Trần Xuân Hải**